



ĐỘ TUỔI GHEP 3,4 TUỔI

(Kèm theo kế hoạch số 216/KH-MNQL ngày 22/8/2025 của trường mầm non Quảng Long)

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

MỤC TIÊU		NỘI DUNG	
3 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	4 tuổi
*Tổ chức ăn			
MT CS01: Trẻ có chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi		Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i>	
MT CS02: Trẻ có số lượng bữa ăn phù hợp với độ tuổi (bữa chính, 1 bữa phụ)		Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.	
MT CS03: Trẻ được ăn theo đúng thực đơn theo mùa, ngày, tuần phù hợp với địa phương		- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.	
MT CS04: Trẻ được uống đủ nước trong ngày theo quy định (1,6-2lít)		- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).	
*Tổ chức ngủ			
MT CS05: Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa 150 phút		- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).	

*Vệ sinh		
MT CS06: Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân		- Vệ sinh cá nhân.
MT CS07: Trẻ được đảm bảo môi trường lớp học, đồ dùng, đồ chơi... sạch sẽ.		- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
*Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
MT CS08: Trẻ được chăm sóc và khám sức khỏe định kỳ		- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm; theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. + Phối hợp với trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2lần/năm (tháng 9 và tháng 3). + Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 3 lần/ năm (tháng 9, tháng12 và tháng 3). - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì : xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, tổ chức cân đo 1tháng/lần đối với trẻ SDD, béo phì
MT CS09: Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và được theo dõi tiêm chủng; được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp:		- Phòng tránh các bệnh thường gặp sởi, thủy đậu, đau mắt Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
MT CS10 Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:		- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/năm) - Cân, đo trẻ theo định kỳ (3 tháng/ lần) - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
<i>* Cân nặng:</i> + Trẻ trai: 12,7-21,2 kg + Trẻ gái: 12,3-21,5 kg. <i>* Chiều cao:</i> + Trẻ trai: 94,9-111,7 cm + Trẻ gái: 94,1-111,3 cm	<i>* Cân nặng</i> + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg <i>* Chiều cao</i> + Trẻ trai:100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

	3 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	4 tuổi
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
* Phát triển vận động				
<i>Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ tay và hô hấp</i>				
MT 01	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Trẻ thực hiện đúng nhịp nhàng, đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	- Hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ. - Trẻ tập các động tác phát triển cơ tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Trẻ tập các bài tập cơ lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Trẻ tập các bài tập phát triển cơ chân + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<i>Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i>				
MT 02	- Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi		+ Đi kiễng gót liên tục 3m. + Đi đứng tư	+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.

		thế: chân bước đều, phối hợp tay chân nhịp nhàng, người ngay ngắn, đầu không cúi. + Đi thay đổi hướng theo đường zích zắc + Đi trong đường hẹp 2,5 - 3m. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	+ Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi bằng gót chân, đi khuy gối, đi lùi. + Đi lùi liên tiếp khoảng 3m. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, zích zắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.
MT 03	Trẻ có thể kiểm soát được khi thực hiện vận động chạy	+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc (3-4 điểm). + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m.	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn - Chạy theo bóng và bắt bóng. - Chạy chậm 60 - 80 m - Chạy nhanh 15m trong khoảng 10 giây
MT 04	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong thực hiện vận động tung và bắt bóng.	+ Tung bắt bóng với cô bằng 2 tay. + Tung bóng cho cô.	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện
MT 05	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong thực hiện vận động ném.	+ Ném xa bằng một tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích bằng một tay	+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích nằm ngang + Ném trúng đích thẳng đứng
MT 06	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong thực hiện vận động: Đập, bắt, chuyền	+ Chuyền bắt bóng hai bên theo hàng	+ Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Đập và bắt bóng

	bóng.	ngang, hàng đọc. + Đập bắt bóng	tại chỗ. + Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	
MT 07	- Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện vận động: Bò, trườn, trèo	- Bò, trườn, trèo: + Bò theo hướng thẳng, dịch dắc. + Trườn theo hướng thẳng, dịch dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước, chui qua cổng. + Bước lên, xuống bậc cao 30 cm	- Bò, trườn, Trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m. + Bò dịch rắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 m x 0,6 m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang.	
MT 08	- Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện vận động: Bật, nhảy	- Bật, nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20-25 cm.	- Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 30 - 40 cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30- 35cm) + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản qua 10 - 15 cm. + Nhảy lò cò 3m.	
* Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ				
MT 09	- Trẻ có khả năng vận động xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau.	- Trẻ có thể thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan giấy, tết len (đơn giản	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối. - Gập giấy

MT 10	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Trẻ có thể phối hợp được các cử bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động. Và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Xếp chồng các hình khối khác nhau (8-10 khối). - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo cắt được theo đường thẳng 10 cm. - Sử dụng bút tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài cởi cúc.	- Lắp ghép hình. - Tô, vẽ hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Vẽ hình người, nhà cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 đến 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây giày.
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
* Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe:				
MT 11	Trẻ biết gọi đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc qua tranh ảnh	Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá...có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin	- Nhận biết gọi tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn thấy vật thật, tranh ảnh; Thịt cá, rau quả, trứng sữa.	- Biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả chín, củ... + Nhóm thực phẩm giàu chất bột, đường: Gạo, ngô, khoai, sắn, đậu đỗ + Nhóm thực phẩm giàu chất béo: Dầu ăn, mỡ lợn, bơ, lạc, vừng. - Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
MT 12	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá	- Trẻ nói tên và nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Rau luộc, nấu

		ngày và dạng chế biến đơn giản	kho, thịt rim đậu, canh rau, thịt kho.	canh, rau xào; thịt có thể luộc, rán, kho, hầm; gạo nấu cơm, nấu cháo; trứng có thể rán, luộc; cá có thể rán, nấu canh, kho.
MT 13	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Trẻ biết ăn nhiều để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật: ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.
<i>*Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>				
MT 14	- Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Tháo tất, cởi quần áo, mặc quần áo. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Hướng dẫn trẻ cách mặc quần áo
MT 15	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, hướng dẫn trẻ cách dội nước sau khi đi vệ sinh. - Biết rửa tay sau khi đi vệ sinh.	
MT 16	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa,	- Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn	- Sử dụng bát thìa đúng cách	- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đồ thức ăn. - Hướng dẫn trẻ sử

	cốc đúng cách	gọn gàng, không rơi vãi, đồ thức ăn.		dụng đồ dùng ăn uống.
<i>*Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>				
MT 17	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	- Ăn chín, uống sôi, nhai kỹ, không nói chuyện cười đùa trong khi ăn uống, biết nhặt cơm rơi.	+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ. + Không làm rơi vãi thức ăn. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã. + Dạy trẻ ăn chín, uống sôi.
MT 18	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người; Vệ sinh răng miệng, đi giày dép khi đi học - nhận biết trang phục theo thời tiết: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: đau đầu, ho, sổ mũi. - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người; Vệ sinh răng miệng, đi giày dép khi đi học - nhận biết trang phục theo thời tiết: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: đau đầu, ho, sổ mũi. - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu	Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Lợi ích của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định

MT 19	- Biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường.	- Dạy trẻ hiểu về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp, giữ vệ sinh lớp học sạch sẽ. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
<i>*Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>				
MT 20	- Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi bị nhắc nhở.	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Dạy trẻ nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm: bàn là, bếp lò, bếp điện đang đun, phích nước nóng... - Biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn. - Giáo dục trẻ không được leo trèo cây, ban công, tường rào sẽ bị ngã rất nguy hiểm.	- Không đến gần bàn là, bếp lò, bếp điện đang đun, phích nước nóng.... - Không đến gần các ổ điện, không cho đồ chơi vào ổ điện - Không nghịch các vật sắc, nhọn: Dao, kéo, liềm...
MT 21	- Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm khi	Trẻ nhận ra những nơi như: ao, hồ, mương	- Dạy trẻ nhận biết và tránh xa những nơi nguy hiểm như: Ao,	- Không ra sông, suối, ao, hồ, mương nước chơi và tắm.

	được nhắc nhở	nước là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	hồ, bể chứa nước, hố vôi...	
MT 22	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và biết phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn những loại quả có hạt; không tự lấy thuốc uống, không nghịch các vật sắc nhọn, không leo trèo lên bàn ghế, lan can, cây cối, quăng ném đồ chơi, sờ vào ổ điện; không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....để bị hóc sặc. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT 23	- Trẻ nhận ra một số trường hợp khẩn cấp và cần gọi người lớn giúp đỡ.	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Dạy trẻ biết gọi người giúp đỡ khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như khi bị đau, chảy máu, bị sốt.....	- Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước; ngã chảy máu. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC				
*Khám phá khoa học				
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>				
MT 24	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các hiện tượng gần gũi, như chăm chú	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh	- Trẻ nói được tên, đặc điểm, công dụng nổi bật của một số hiện tượng tự nhiên qua sự hướng dẫn của	- Đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin về sự vật hiện tượng như “Vì sao cây lại héo”, “vì sao lá cây bị ướm”.

	quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng	với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng.	giáo viên	
MT 25	- Trẻ có khả năng sử dụng một số giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, sờ, ngửi... để nhận ra một số đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: đồ vật, động vật, thực vật	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng: Nước, đồ dùng đồ chơi, cây, hoa, quả, phương tiện giao thông...
MT 26	- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi	- Thả bóng, thuyền giấy, sỏi, lá cây để nhận biết vật chìm, vật nổi. - Trẻ dùng các dải giấy màu tìm hiểu về tính chất của nước. - Pha màu/đường/muối vào nước. Dự đoán, quan sát, so sánh.
MT 27	Thu thập thông tin của đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Cho trẻ xem tranh minh họa gọi tên đối tượng trong tranh	- Hướng dẫn trẻ xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.

	mở cửa cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng			
MT 28	- Trẻ biết phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật	- Trẻ biết phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật.	Một số liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - So sánh sự khác và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT 29	Trẻ có thể phân loại các phương tiện giao thông theo một dấu hiệu nổi bật	Trẻ biết phân loại phương tiện giao thông theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng cơ bản của một phương tiện giao thông và phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu
MT 30	Trẻ biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật	Trẻ biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu	- Nêu đặc điểm, công dụng cơ bản của con vật, cây, hoa, quả... và phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả... - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản				
MT 31	- Trẻ nhận biết được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	- Nhận xét một số mối quan hệ đơn giản cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT 32	- Trẻ giải quyết các vấn đề đơn giản dưới sự gợi mở của giáo viên	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	- Trẻ có thể giải quyết các tình huống đơn giản	- Giải quyết các vấn đề đơn giản: Làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh hơn...
<i>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>				
MT 33	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	Nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Dạy trẻ nhận biết đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả ... gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người qua sự gợi mở của giáo viên	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả ... gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 34	Trẻ biết một số nguồn nước trong môi trường sống.		- Một số đặc điểm, tính chất cơ bản của nước. - Lợi ích của nước đối với tự nhiên	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô

				nhiệm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT35	Trẻ nhận biết không khí và một số nguồn sáng trong sinh hoạt hàng ngày	Trẻ biết không khí và một số nguồn ánh sáng trong môi trường sống	- Trẻ biết một số nguồn sáng trong sinh hoạt hàng ngày (Đèn, điện, dầu, nến, đèn pin...)	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT36	Thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Trẻ nhận biết các đối tượng qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hình vẽ, bắt trước tạo dáng, tiếng kêu... qua hướng dẫn
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN				
Nhận biết số đếm, số lượng				
MT 37	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh và hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”.	- Dạy trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- Trẻ có khả năng quan tâm đến chữ số, số lượng, thích đếm mọi vật ở xung quanh mình trong phạm vi 10.
MT 38	- Trẻ có khả năng so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5; nói được các từ:	- Trẻ có khả năng so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác	- Dạy trẻ nhận biết một và nhiều. - Dạy trẻ so sánh số lượng các nhóm đối tượng trong phạm vi 5.	- So sánh số lượng của 2 đối tượng trong phạm vi 5 - Trẻ so sánh số lượng nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau trong phạm vi 10

	bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn		
MT 39	- Trẻ có khả năng gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có số lượng trong phạm vi 5	- Trẻ có thể gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Dạy trẻ gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	
MT 40	- Trẻ có khả năng tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Trẻ có thể tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn	- Dạy trẻ tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
MT 41	- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự khi được hướng dẫn	- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Có thể nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT 42	- Trẻ có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày khi được hướng dẫn.	- Trẻ có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại khẩn cấp).	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại khẩn cấp).
MT 43	- Trẻ biết xếp tương ứng 1-1.	- Trẻ có khả năng xếp tương ứng, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	

Sắp xếp theo quy tắc				
MT 44	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Trẻ có khả năng nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
So sánh hai đối tượng				
MT 45	- Trẻ so sánh 2 đối tượng về kích thước của 2 đối tượng và nói được các từ: dài hơn/ngắn hơn; nhiều hơn/ít hơn; bằng nhau.	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng nói kết quả đo và so sánh.	- Dạy trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước: dài - ngắn; nhiều - ít; bằng nhau.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
Nhận biết hình dạng				
MT 46	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (Tròn và tam giác, vuông và chữ nhật).	- Dạy trẻ nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT 47	- Trẻ có khả năng sử dụng các hình học để lắp ghép.	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản theo ý thích và theo yêu cầu.	- Dạy trẻ sử dụng các hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.				
MT 48	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Dạy trẻ nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.	- Xác định được các phía: trên – dưới, trước – sau, trái – phải của bản thân. - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái). - Xác định được các phía: phía trên- dưới, trước – sau, trái – phải của đối tượng khác.
MT 49	- Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày khi được hướng dẫn	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Có thể nhận biết, gọi tên các buổi trong ngày. - Có thể nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
KHÁM PHÁ XÃ HỘI				
Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				
MT 50	- Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Gọi ý trẻ nói họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 51	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Trẻ nói được tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi	- Tên của bố mẹ, và các thành viên trong gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.

		được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		
MT 52	- Trẻ nói được địa chỉ chùa gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, thôn) khi được hỏi và trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình mình.	
MT 53	- Trẻ biết được tên trường, lớp mầm non, tên cô giáo và công việc của cô giáo.	- Trẻ nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trò chuyện với trẻ về tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp (Trường mầm non Quảng Long; lớp mẫu giáo ...)
MT 54	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo.	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo	- Tên và công việc của cô giáo và các bác ở trường (bác bảo vệ, bác cấp dưỡng..)
MT 55	- Trẻ biết tên các bạn trong lớp.	- Trẻ có thể nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trò chuyện cùng với trẻ về tên các bạn trong lớp.	- Họ tên và một số đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>				
MT 56	- Trẻ có khả năng nhận biết một số nghề phổ biến gần	- Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản	- Dạy trẻ biết tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến trong xã hội, nghề

	gửi.	phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		truyền thống ở địa phương: Nghề thợ mộc, nghề nông...
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh				
MT 57	- Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Trẻ kể tên được một số lễ hội và nói được một số đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày tết thiếu nhi 1/6, lễ hội chèo qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Dạy trẻ đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước - Trẻ biết ngày lễ của địa phương (Lễ hội chèo Đường Hoa)
MT58	- Trẻ biết lá cờ tổ quốc, trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của danh lam, thắng cảnh ở địa phương, quê hương đất nước.	- Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử quê hương, đất nước của địa phương.	- Dạy trẻ biết cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cô gợi ý để trẻ kể tên một số danh lam thắng cảnh của tỉnh Quảng Ninh: Biển trà cổ, Vịnh Hạ Long..
Nhận biết một số quy định giao thông đơn giản				
MT59 (MTPT)	Trẻ có khả năng hiểu biết về một số qui định giao thông đơn giản dưới sự chỉ dẫn của người lớn.	Trẻ có khả năng hiểu biết về một số qui định giao thông đơn giản.	+ Đi bộ trên vỉa hè, bên tay phải + Lấy, cất xe đúng vị trí sau khi chơi + Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy. + Chấp hành quy định khi ngồi trên các phương tiện giao thông: Ô tô, xe máy, xe đạp (ngồi ngay ngắn, bám vào người phía trước,	

			<i>đạp (ngồi ngay ngắn, bám vào người phía trước, thắt dây an toàn, không thò đầu, đưa tay ra cửa sổ xe...) khi có sự nhắc nhở và hướng dẫn của người lớn.</i>	<i>thắt dây an toàn, không thò đầu, đưa tay ra cửa sổ xe...)</i>
* Làm quen với công nghệ thông tin				
MT60 (PTCT)	<i>Trẻ được làm quen với máy tính. Trẻ có thể thực hiện một số thao tác đơn giản (di, nhấp chuột, gõ bàn phím) dưới sự hướng dẫn của cô.</i>	<i>Trẻ được làm quen với máy tính. Trẻ biết thực hiện một số thao tác đơn giản (di, nhấp chuột, gõ bàn phím).</i>	<i>- Trẻ thực hiện bật, mở máy tính, sử dụng chuột dưới sự hướng dẫn của cô.</i>	<i>- Biết cách bật, mở máy tính, sử dụng chuột. - Biết tên gọi, công dụng một số bộ phận của máy tính.</i>
MT61 (PTCT)	<i>Trẻ được làm quen bàn cảm ứng tương tác, ti vi thông minh, rô bốt thông minh.</i>	<i>Trẻ biết sử dụng bàn cảm ứng tương tác, ti vi thông minh, rô bốt thông minh.</i>	<i>- Trẻ được thao tác với một số trò chơi, nhận biết và gọi tên một số hình học.</i>	<i>- Nhận dạng các chữ cái và phát âm được chữ cái đó và chơi các trò chơi với chữ cái với máy tính, thiết bị máy tính bằng thông minh. - Nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5; So sánh số lượng trong phạm vi 5. - Nhận biết gọi tên các hình (Hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác); - Khám phá sự vật hiện tượng qua hình ảnh, video, trò chơi trên máy tính. - Biết cách chơi với rô bốt thông minh thành thạo, sáng tạo.</i>

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				
Nghe hiểu lời nói				
MT 62	- Trẻ có thể thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, Ví dụ ‘cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng’.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Dạy trẻ thực hiện các yêu cầu trong hoạt động tập thể như chơi với bạn, chơi trong nhóm.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ chỉ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu.
MT 63	- Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát : Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 64	- Trẻ biết lắng nghe câu hỏi của người đối thoại.	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi - Nghe hiểu câu hỏi của người lớn (Cái gì? ở đâu? Làm gì?) - Trẻ nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp đơn giản (câu đơn, câu mở rộng).	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
MT 65	- Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng	- Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Dạy trẻ phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó

MT 66	Trẻ có khả năng sử dụng được các từ thông dụng để chỉ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Cho trẻ mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: 'Ai?'; 'Cái gì?'; 'ở đâu?'; 'Khi nào?'; 'Để làm gì?'.
MT 67	- Trẻ sử dụng câu đơn, câu đơn câu ghép.	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
MT 68	- Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Trẻ kể được lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
MT 69	- Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, vè dân gian.		- Dạy trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	
MT 70	- Trẻ có khả năng kể lại truyện đơn giản với nhiều hình thức khác nhau đã được nghe hoặc có sự giúp đỡ của cô giáo, người lớn.	- Trẻ có khả năng kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Kể lại truyện đã được nghe.

MT 71	- Trẻ có khả năng bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Dạy trẻ bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện VD: bằng cách cô rèn cho trẻ hoặc đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	- Dạy trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện
MT 72	- Trẻ biết sử dụng những từ để thể hiện thái độ lễ phép với người lớn	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Dạy trẻ sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép (VD: Vâng ạ, dạ, thưa, cảm ơn).	- Cô dạy trẻ cách ứng xử trong giao tiếp. - Trẻ sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT 73	- Trẻ biết nói đủ nghe, không lí nhí	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Dạy trẻ nói đủ nghe, rõ ràng, không lí nhí. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô giáo	- Cô gợi ý trẻ nhập vai đóng kịch. - Trẻ đóng kịch.
Làm quen với việc đọc - viết				
MT 74	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe.	- Trẻ có khả năng chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Giữ gìn sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn, bảo vệ sách.

MT 75	Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	Trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng việt	- Trẻ làm quen với các nét vẽ của chữ cái.	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
MT 76	- Trẻ có khả năng nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Trẻ có thể mô tả lại hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cho trẻ xem tranh minh họa gọi tên nhân vật trong tranh.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Cho trẻ xem tranh minh họa gọi tên nhân vật trong tranh.
MT 77	- Trẻ có thể cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).		- Dạy trẻ cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện	- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
MT 78	- Trẻ có khả năng nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, biển báo giao thông nơi nguy hiểm.		- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ).	
MT 79	- Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Cho trẻ vẽ, viết theo ý thích.	- Dạy trẻ sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
MT 80	- Trẻ có khả năng tiếp xúc với chữ, sách, truyện.	- Trẻ có khả năng nhận biết một số chữ cái, tập tô, tập đồ các nét chữ cái	- Cho trẻ tiếp xúc với chữ, sách, truyện	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI				
* Phát triển tình cảm				
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>				
MT 81	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố, mẹ.	- Trò chuyện để trẻ giới thiệu tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trò chuyện với trẻ để trẻ giới thiệu tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên của bố mẹ.
MT 82	- Trẻ có khả năng nói được điều bé thích, không thích.	- Trẻ có khả năng nói được nhiều điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Trò chuyện với trẻ về những điều trẻ thích và những điều không thích.	- Trò chuyện với trẻ về sở thích và khả năng của trẻ.
<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>				
MT 83	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Trẻ tích cực tham gia vào hoạt động	- Dạy trẻ cách chơi và chơi đoàn kết, hợp tác cùng bạn. - Gợi ý để trẻ nói về kết quả chơi
MT84	Cô gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	Cô gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi)	- Trẻ thực hiện được những công việc đơn giản (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi) Trẻ thực hiện được công việc đơn giản	- Trẻ hoàn thành công việc được giao: dọn đồ chơi, cất ghế, phơi khăn mặt... Trẻ thực hiện công việc tốt
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</i>				
MT85	- Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh..	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Dạy trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.

MT 86	- Trẻ có thể biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, nhạc nhiên .	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 87	- Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Trẻ có thể nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ	- Giáo dục trẻ kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến di tích lịch sử.
MT 88	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
*Phát triển kỹ năng xã hội				
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
MT 89	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	Dạy trẻ một số quy định ở lớp và gia đình (Sau khi chơi cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ)	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.
MT 90	- Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xin phép khi được nhắc nhở	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Dạy trẻ biết thể hiện cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình
MT 91	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Dạy trẻ biết chờ đến lượt.	- Dạy trẻ biết chờ đến lượt, biết hợp tác.	
MT 92	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để	- Trẻ chơi các trò chơi, biết chơi hòa thuận với bạn, tham	- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”-

	trò chơi theo nhóm nhỏ.	cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).	gia vào các hoạt động nhóm. - Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”.	“xấu”.
<i>Quan tâm đến môi trường</i>				
MT 93	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, chăm sóc con vật	- Trẻ có ý thức chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Dạy trẻ có ý thức bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	
MT 94	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		- Dạy trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường: + Xem tranh, băng hình có nội dung giáo dục bảo vệ môi trường. + Trò chuyện về những việc trẻ cần làm để giữ gìn lớp học, sân trường sạch sẽ, xanh tươi. + Nghe kể chuyện, đọc thơ có nội dung về giáo dục bảo vệ môi trường.	
MT 95	- Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa		Yêu cây xanh, hoa	
MT 96	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		Tiết kiệm điện, nước.	
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ				
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.				
MT 97	- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc: vui sướng, vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và	- Giúp trẻ bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

	sự vật, hiện tượng.	ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Cho trẻ quan sát, lắng nghe âm thanh của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống. + Cho trẻ quan sát và khuyến khích trẻ nói lên vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên và cuộc sống.	
MT 98	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Tạo cho trẻ có cảm hứng chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca...) - Thể hiện điệu bộ, cử chỉ thích thú khi nghe các bản nhạc, bài hát, bài thơ, đồng dao, chuyện kể...
MT 99	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên được cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật: màu sắc, hình	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình	- Tiếp xúc với các tác phẩm nghệ thuật tạo hình, âm nhạc: + Cho trẻ nghe những bài hát, bản nhạc có giai điệu vui tươi ngộ nghĩnh, tình cảm tha thiết,	- Sử dụng các gọi cảm nói lên cảm xúc của mình

	hình dáng của các tác phẩm tạo hình.	dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	nội dung phù hợp. Trẻ có thể hát theo hoặc vận động theo ý thích. + Cho trẻ xem tranh và nhận xét sản phẩm: cầm xem, ngắm giá, khuyến khích trẻ nói lên vẻ đẹp của sản phẩm.	
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
MT 100	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 101	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức: vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa.	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức: vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa.	- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu bài hát	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 102	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

MT 103	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng/ đường nét.
MT 104	- Xé theo dải, xé vụn và tạo thành các sản phẩm đơn giản	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục cân đối	- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé, dán để tạo sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 105	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	- Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 106	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có kết cấu đơn giản	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Hướng dẫn trẻ xếp những sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm.

MT 107	- Trẻ có thể nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. + Giúp trẻ nhận xét về sản phẩm tạo hình cần hướng trẻ nhận xét về hình dáng, màu sắc, đường nét, giáo dục trẻ biết giữ gìn sản phẩm.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng /đường nét.
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				
MT 108	- Trẻ có khả năng vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT 109	- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp của bài hát: Sắc xô, phách tre, mõ, trống.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát: Sắc xô, phách tre, mõ, trống.
MT 110	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Trẻ biết nói lên ý tưởng tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT 111	- Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét. - Đặt tên cho sản phẩm mình tạo ra.	

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Những sự kiện lớn
1	Trường mầm non	3	Từ ngày 08/09/2025 đến 26/09/2025	
2	Bản thân	4	Từ ngày 29/09/2025 đến 24/10/2025	- Tết trung thu 15/8 (âm lịch) - Ngày thành lập hội LHPNVN 20/10
3	Gia đình	3	Từ ngày 27/10/2025 đến 14/11/2025	
4	Nghề nghiệp	4	Từ ngày 17/11/2025 đến 12/12/2025	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
5	Thế giới động vật	4	Từ ngày 15/12/2025 đến 09/01/2026	- Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 - Nghỉ tết dương lịch 01/1
6	Phương tiện và một số quy định giao thông	4	Từ ngày 12/01/2026 đến 06/02/2026	
7	Thế giới thực vật	4	Từ ngày 09/02/2026 đến 13/03/2026	- Nghỉ tết Nguyên Đán từ 14/02 đến hết 22/02 - Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	4	Từ ngày 16/03/2026 đến 10/04/2026	
9	Quê hương, Đất nước Việt Nam	4	Từ ngày 13/04/ 2026 đến 08/05/2026	- Nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (âm lịch) - Kỷ niệm ngày 30/4 và 1/5
10	Bác Hồ Kính yêu	1	Từ ngày 11/05/2026 đến 15/05/2026	Ngày sinh nhật Bác 19/05

Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026
Kết thúc chương trình: 15/05/2026

